

CHIỀU CẠNH XÃ HỘI TRONG TIẾP CẬN KÊNH THÔNG TIN VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN CÔNG AN HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ HIỀN*

1. Đặt vấn đề

Việc làm sau khi ra trường là một băn khoăn lớn đối với nhiều sinh viên hiện nay. Vấn đề này không chỉ thu hút sự quan tâm của bản thân sinh viên mà còn là mối lưu tâm của các gia đình và toàn xã hội, nhất là trong bối cảnh chưa có sự thống nhất, liên kết và khớp nối giữa hoạt động đào tạo và tuyển dụng sinh viên sau khi ra trường.

Từ góc độ việc làm, sinh viên công an nhân dân là một nhóm đặc thù bởi trước khi bước vào trường, các em đã có thể hình dung nghề nghiệp của mình sau này. Theo quy định của ngành công an, sinh viên học chuyên ngành nào sẽ được sắp xếp công tác theo chuyên ngành đó, thậm chí thí sinh tham gia dự tuyển ở địa phương nào thì sau khi ra trường có thể trở lại địa phương đó công tác. Việc sắp xếp nói trên phần nào tạo nên tâm lý an tâm, ít lo lắng đến nghề nghiệp và nơi làm việc cho mỗi sinh viên ngay từ khi đang theo học.

Tuy nhiên, khi những giá trị thực dụng, chạy theo lợi ích vật chất đang thẩm thấu vào mọi quan hệ của đời sống xã hội hiện nay thì câu chuyện việc làm trở nên phức tạp. Những nhân tố này có ảnh hưởng không nhỏ đến định hướng nghề nghiệp và kênh tiếp cận thông tin việc làm của giới trẻ và sinh viên công an nhân dân ngay từ khi còn học trong nhà trường. Thực tế trên khiến sinh viên lo lắng và chủ động tìm kiếm thông tin việc làm và quan hệ nghề nghiệp cho tương lai. Câu hỏi đặt ra trong nghiên cứu này là: Sinh viên công an nhân dân hiện quan tâm đến các kênh cung cấp thông tin nào về việc làm của bản thân họ? Có sự khác biệt nào trong việc tiếp cận các kênh thông tin về việc làm hiện nay? Những đặc điểm nhân khẩu - xã hội nào chi phối đến khả năng tiếp cận đó?

Bài viết tìm hiểu một số chiều cạnh xã hội trong tiếp cận kênh thông tin việc làm của sinh viên Học viện An ninh Nhân dân. Nghiên cứu dựa trên nguồn dữ liệu định lượng và định tính trong khuôn khổ đề tài “*Định hướng giá trị nghề nghiệp của sinh viên sỹ quan công an nhân dân hiện nay*” do tác giả bài viết thực hiện trong năm 2014. Mẫu khảo sát định lượng bao gồm 626 sinh viên và mẫu định tính với mẫu phỏng vấn sâu 45 trường hợp tại Học viện An ninh Nhân dân, Hà Nội. Ngoài phần đặt vấn đề, bài viết bao gồm hai phần chính: kênh thông tin việc làm của sinh viên công an quan tâm; và sự khác biệt trong tiếp cận kênh thông tin việc làm của sinh viên. Từ kết quả phân tích, bài viết rút ra một số nhận xét và bàn luận trong phần kết luận cuối bài.

* Học viện An Ninh Nhân dân.

2. Các kênh tiếp cận thông tin việc làm của sinh viên công an nhân dân

Một số nghiên cứu trước đã cho thấy tiếp cận thông tin về việc làm sau khi ra trường là vấn đề quan trọng được các sinh viên quan tâm ngay từ khi còn ngồi trên giảng đường đại học. Nghiên cứu của Phạm Tất Thắng (2009) về “Định hướng giá trị của sinh viên” được khảo sát tại 11 trường đại học thuộc trường khối dân sự ở Hà Nội cho thấy các nhóm sinh viên rất quan tâm tiếp cận nhiều kênh thông tin việc làm sau khi ra trường, bao gồm chuyên mục tuyển dụng việc làm của các tờ báo, kênh bạn bè và người thân trong gia đình, v.v. Điều đáng quan tâm từ kết quả nghiên cứu cho thấy gia đình, người thân, và họ hàng có ảnh hưởng lớn đến quá trình xin việc của mỗi sinh viên.

Để có thể trả lời câu hỏi nghiên cứu đặt ra là sinh viên công an nhân dân quan tâm như thế nào đến thông tin về việc làm sau khi ra trường trong bối cảnh hiện nay, nghiên cứu đưa ra câu hỏi “Bạn biết thông tin về việc làm qua nguồn nào?”. Tỷ lệ trả lời các phương án “nhà trường thông báo”, “ngành thông báo”, “người trong gia đình và họ hàng”, “bạn bè, đồng hương” lần lượt là 31,2%, 22,4%, 30,5% và 16%. Kết quả cho thấy sinh viên trong mẫu phỏng vấn tiếp cận thông tin việc làm rất đa dạng, trong đó hai kênh thông tin chính là thông báo của nhà trường và gia đình, họ hàng người thân.

Hộp 1. Ý kiến của sinh viên về kênh tiếp cận thông tin việc làm

“Từ khi chọn thi vào trường này, bản thân em đã được biết là sau khi ra trường được sắp xếp công việc về đâu đó, mình không phải bận tâm về vấn đề xin việc như học các trường khác. Chính vì vậy em và gia đình đã quyết định chọn Học viện An ninh. Nhưng vào học em mới hiểu thêm là nếu mình muốn có việc làm như ý cần phải liên hệ trước. Hai năm nữa em mới ra trường, nhưng bây giờ em cũng đã hỏi một số người thân gia đình về công việc sau khi tốt nghiệp”.

(Nam, sinh viên năm thứ 3, Nam Định)

“Chỉ còn vài tháng nữa là chúng em ra trường. Em đã được nghe các anh chỉ đồng hương ở khóa trên nói nếu không chủ động tìm hiểu thông tin việc làm thì đến phút chót mới được biết mình được nhà trường/ngành phân về đâu công tác. Nếu xảy ra điều đó thì không thuận lắm vì có thể sẽ phải đi xa hoặc chỗ làm không tốt. Theo lời khuyên của các anh chị em đã chủ động báo bố mẹ đến nhờ chú cùng họ hàng làm ở tỉnh xem cơ quan có chỉ tiêu xin em về”.

(Nam, sinh viên năm thứ năm, Hà Nội)

“Về công việc khi ra trường em chỉ biết hỏi một anh chị là đồng hương học khóa trên đã ra trường, các anh chị khuyên em ra trường về quê, gần nhà, em không biết hỏi ai khác vì bố mẹ em không có quan hệ”.

(Nam, sinh viên năm thứ 3)

Các cuộc phỏng vấn sâu sinh viên cũng cho kết quả khá thống nhất với khảo sát định lượng. Kênh thông tin việc làm qua người thân trong gia đình, họ hàng được nhiều sinh viên coi trọng, trong khi đó kênh thông báo của nhà trường ít được chú ý hơn. Kết quả này tương đồng với những phát hiện nghiên cứu của Phạm Tất Thắng trước đó trong nhóm sinh viên ở các trường dân sự ở Hà Nội.

3. Khác biệt trong tiếp cận kênh thông tin việc làm của các nhóm sinh viên

3.1. Năm học và kênh tiếp cận thông tin việc làm

Mức độ quan tâm đến các kênh tiếp cận thông tin việc làm tỷ lệ thuận với số năm của mỗi nhóm sinh viên. Các sinh viên ở năm học cuối có mức độ quan tâm đến các kênh tiếp cận thông tin việc làm nhiều hơn. Điều này cũng đã được khẳng định trong các nghiên cứu của Phạm Tất Thắng (2009) và Vũ Hào Quang (2001). Các số liệu trong Bảng 1 dưới đây cho thấy rõ về thực tế này ở nhóm sinh viên Học viện An ninh Nhân dân.

Bảng 1: Năm học của sinh viên và kênh tiếp cận thông tin việc làm

Đơn vị: %

Kênh thông tin việc làm	Sinh viên năm học		Chung
	Ba năm đầu	Hai năm cuối	
Nhà trường thông báo	29,7	33,2	16,0
Bạn bè, đồng hương	16,5	15,2	22,4
Ngành thông báo	20,3	25,4	30,5
Người trong gia đình, họ hàng	33,5	26,2	16,0
N	370	256	625

Nguồn: Khảo sát đề tài Học viện An ninh Nhân dân năm 2014.

Kết quả khảo sát cho thấy trong 4 kênh tiếp cận thông tin việc làm, chỉ có kênh bạn bè có tỷ lệ tương đương nhau giữa hai nhóm sinh viên, các kênh còn lại như: nhà trường, ngành thông báo, người trong gia đình cho thấy có sự khác biệt nhất định giữa nhóm sinh viên ba năm đầu và hai năm cuối. Chẳng hạn, ở hình thức kênh tiếp cận việc làm qua nhà trường thông báo, trong khi có đến 33,2% số sinh viên hai năm cuối chọn kênh này thì tỷ lệ này ở sinh viên ba năm học đầu là 29,7%. Tương tự, ở hình thức kênh tiếp cận ngành thông báo và qua người trong gia đình, họ hàng cũng thể hiện sự khác biệt đáng kể giữa hai nhóm sinh viên.

3.2. Giới và kênh tiếp cận thông tin việc làm

Khác biệt giới trong tiếp cận thông tin được quan tâm trong nghiên cứu này. Theo nguồn số liệu thống kê của Học viện An ninh Nhân dân do Phòng Đào tạo cung cấp, năm học 2013-2014, sinh viên nữ chiếm tỷ lệ 15% tổng số sinh viên của học viện. Trong mẫu nghiên cứu, số sinh viên nữ chiếm khoảng 1/5 tổng mẫu khảo sát. Kết quả được thể hiện trong Bảng 2 dưới đây cho thấy sự khác biệt giới trong tiếp cận thông tin việc làm giữa nhóm nam và nữ sinh viên.

Nhìn chung, sinh viên nam có xu hướng tìm kiếm thông tin việc làm qua kênh nhà trường và ngành, còn sinh viên nữ lại quan tâm nhiều hơn đến kênh người thân, gia đình. Cụ thể, ở kênh nhà trường thông báo, có đến 30,2% sinh viên nam chọn, trong khi 36,7% sinh viên nữ cho biết tiếp cận thông tin việc làm qua gia đình, họ hàng (tỷ lệ này ở nhóm sinh viên nam là 22,6%). Khác biệt giới trong tiếp cận thông tin việc làm bước đầu cho thấy khó có thể có quy định chung về thông tin việc làm qua một kênh duy nhất.

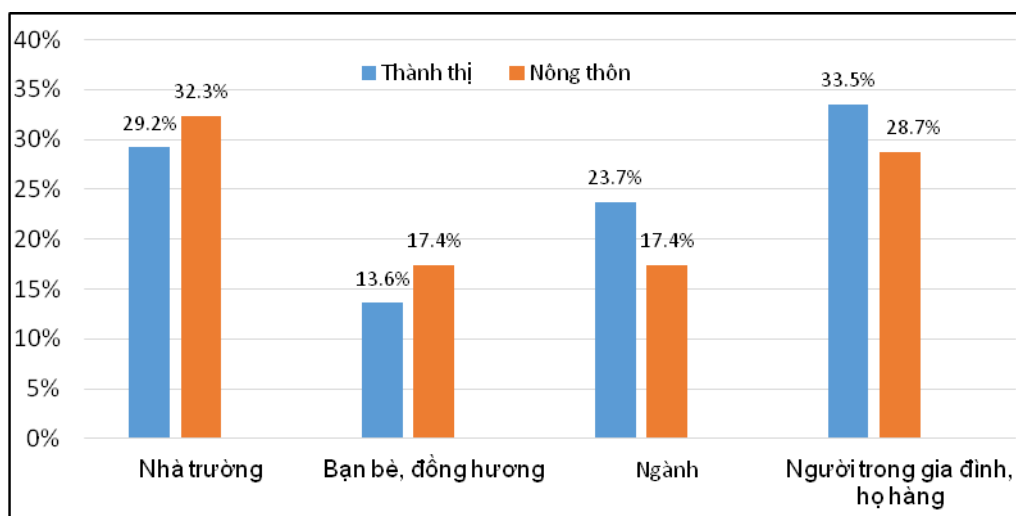
Bảng 2: Giới tính và kênh tiếp cận thông tin việc làm

Kênh thông tin việc làm	Giới tính		Chung
	Nam	Nữ	
Nhà trường thông báo	30,2	27,6	31,2
Bạn bè, đồng hương	16,3	14,3	16,0
Ngành thông báo	30,9	21,4	22,4
Người trong gia đình, họ hàng	22,6	36,7	30,5
N	514	112	626

Nguồn: Khảo sát đề tài Học viện An ninh Nhân dân năm 2014.

3.3. Địa bàn nơi cư trú của gia đình và kênh thông tin về việc làm

Nơi cư trú của gia đình cũng là biến số quan trọng chi phối kênh thông tin việc làm của các nhóm sinh viên công an hiện nay. Kết quả khảo sát cho thấy có sự khác biệt đáng kể giữa hai nhóm sinh viên nông thôn và đô thị. Cụ thể, nhóm sinh viên gia đình ở nông thôn có xu hướng quan tâm đến kênh thông tin việc làm từ nhà trường và ngành, trong khi sinh viên có gia đình ở đô thị lại hướng đến các kênh người thân trong gia đình.

Hình 2. Địa bàn nơi cư trú của gia đình và kênh tiếp cận thông tin việc làm

Nguồn: Khảo sát đề tài Học viện An ninh Nhân dân năm 2014.

Các tư liệu phỏng vấn sâu cũng cho thấy kết quả tương tự với số liệu định lượng (Hộp 2). Các thông tin định tính trong nghiên cứu này lại phản ánh khá rõ nét khác biệt trong tiếp cận việc làm sau khi ra trường. Sinh viên gia đình sống ở thành thị thường có bố mẹ, người thân làm cán bộ công chức, có mối quan hệ quen biết rộng, e ngại con cái ra trường bị điều động làm việc xa nhà nên thường lo lắng và tham gia vào việc trao đổi thông tin việc làm khi ra trường với con cái. Thực tế này khác với nhóm sinh viên có gia đình sống ở nông thôn, do những hạn chế trong các mối quan hệ bên ngoài gia đình. Nhóm sinh viên này chủ yếu tiếp cận thông tin việc làm qua các kênh chính thức là nhà trường và ngành công an.

Hộp 2: Nơi ở gia đình và kênh tiếp cận thông tin việc làm

“Gia đình, bố mẹ cũng chẳng quen biết ai, ra trường việc phân về làm ở đâu đối với em chỉ có nhờ vào thông báo từ phía nhà trường. Thực tế bản thân em đã được biết là học ở đây sau khi ra trường được sắp xếp công việc về đâu đó, mình không phải bận tâm về vấn đề xin việc như học các trường khác”.

(Nam, sinh viên năm thứ 2, bố mẹ làm nông dân, Nam Định)

“Vào học ở đây cho đến khi tốt nghiệp ra trường em chỉ biết chờ đợi thông tin từ phía nhà trường thông báo về làm việc ở đâu, ngoài ra em không biết hỏi ai khác”.

(Nam, sinh viên năm thứ 3, mức sống gia đình trung bình, bố làm nông dân, Hải Dương)

“Mỗi lần về nhà, bố mẹ cũng nói trao đổi và đưa ra vài phương án hỏi xem em có mong muốn về đâu để bố mẹ còn liệu, nhờ người ta trước”.

(Nam, sinh viên năm thứ 5, bố mẹ làm cán bộ, Hà Nội)

3.4. Mức sống gia đình và kênh tiếp cận thông tin việc làm

Kết quả Bảng 3 cho thấy có sự khác biệt theo mức sống gia đình trong việc tiếp cận thông tin việc làm. Sinh viên trong các gia đình nghèo có xu hướng tiếp cận thông tin việc làm qua kênh nhà trường thông báo và bạn bè, trong khi sinh viên ở các gia đình khá giả tiếp cận thông tin việc làm qua người thân, họ hàng với tỷ lệ cao hơn.

Bảng 3: Mức sống gia đình và kênh tiếp cận thông tin việc làm

Đơn vị: %

Kênh thông tin việc làm	Mức sống gia đình			Chung
	Khá giả	Trung bình	Nghèo	
Nhà trường thông báo	26,1	31,6	38,7	31,2
Bạn bè, đồng hương	15,2	15,3	29,0	16,0
Ngành thông báo	26,1	22,5	9,7	22,4
Người trong gia đình, họ hàng	32,6	30,6	22,6	30,5
N	92	503	31	626

Nguồn: Khảo sát đề tài Học viện An ninh Nhân dân năm 2014.

Cụ thể, ở hình thức tiếp cận thông tin qua bạn bè, 29% sinh viên thuộc gia đình mức sống nghèo có thông tin việc làm qua bạn bè. Tỷ lệ này ở nhóm sinh viên trong các gia đình mức sống đối với kênh thông tin việc làm qua người thân trong gia đình, họ hàng khá giả chỉ là 15,2%. Ngược lại, 32,6% sinh viên gia đình mức sống khá giả nhận thông tin việc làm qua người thân, họ hàng, so với 22,6% sinh viên trong các gia đình nghèo. Kết quả phân tích này cũng tương đồng với các kết luận trong nghiên cứu của Nguyễn Văn Tinh (1999) về định hướng nghề nghiệp của nhóm sinh viên công an nhân dân tại khu vực phía Nam.

3.5. Nghề nghiệp cha mẹ và kênh tiếp cận thông tin việc làm

Kết quả khảo sát cho thấy có sự khác biệt khá rõ theo nghề nghiệp của cha mẹ trong kênh thông tin việc làm của sinh viên. Tỷ lệ sinh viên có cha mẹ làm nghề nông tiếp cận

thông tin việc làm qua kênh nhà trường và ngành cao hơn tỷ lệ này trong nhóm sinh viên có cha mẹ làm nghề kinh doanh và cán bộ, công chức (Bảng 4). Phải chăng mối quan hệ xã hội và mức độ quen biết của bố mẹ trong bộ máy nhà nước là một lợi thế đối với việc làm của con cái?

Bảng 4: Nghề chính của cha mẹ và kênh thông tin việc làm

Đơn vị: %

Kênh thông tin việc làm	Nghề chính của mẹ			Nghề chính của bố		
	Nông dân	Kinh doanh	Cán bộ	Nông dân	Kinh doanh	Cán bộ
Nhà trường thông báo	47,2	21,0	31,8	50,8	14,8	34,4
Bạn bè, đồng hương	33,0	26,0	41,0	38,7	21,5	39,8
Ngành thông báo	41,0	19,4	39,6	34,8	22,0	43,2
Người trong gia đình, họ hàng	45,0	17,3	37,7	39,9	18,5	41,6
N	268	127	230	249	110	233

Nguồn: Khảo sát đề tài tại Học viện An ninh Nhân dân năm 2014

Kết quả phân tích trên cho thấy các biến số cá nhân và hoàn cảnh gia đình có ảnh hưởng đến các kênh tiếp cận thông tin việc làm của sinh viên công an nhân dân. Thực tế này được phản ánh rõ hơn qua phỏng vấn định tính.

Hộp 3: Đặc điểm cá nhân, gia đình và kênh tiếp cận thông tin

“Bố mẹ em cũng là người trong ngành nên em chọn học ngành này là theo định hướng của bố mẹ. Thực tế hiện nay học em chỉ biết học thôi không phải quan tâm đến việc làm ở đâu. Điều đó bố mẹ sẽ lo liệu cho em khi ra trường”.

(Nữ, sinh viên năm thứ hai, thành thị, Hòa Bình)

“Em được biết ngành công an, quân đội học không phải đóng góp, ra trường còn được phân công công việc. Em học trường này hy vọng nhà trường sẽ phân công công việc phù hợp”.

(Nam, sinh viên năm thứ tư, nông thôn, Quảng Ninh)

4. Nhận xét và kết luận

Hiện có hai kênh thông tin việc làm chính thu hút sự quan tâm của sinh viên là nhà trường và người quen trong gia đình. Như vậy, ngoài kênh tiếp cận thông tin việc làm chính thức qua thông báo của nhà trường thì các kênh phi chính thức như gia đình, người thân cũng chi phối các nhóm sinh viên. Thực tế này ảnh hưởng đến nguyên tắc phân công sinh viên sau khi ra trường của ngành công an là: “đi bất cứ nơi nào, làm bất cứ nhiệm vụ gì mà tổ chức giao”. Đến nay, ngành công an vẫn được xem là một nghề nghiệp có nhiều quy định chặt chẽ trong khâu tuyển dụng. Tuy nhiên nguyên tắc này dường như đang bị chi phối bởi mối quan hệ xã hội của bố mẹ, người thân là cán bộ công chức nhà nước.

Kết quả phân tích cho thấy nhóm sinh viên năm cuối quan tâm đến kênh thông tin

việc làm nhiều hơn so với nhóm sinh viên năm đầu. Kênh tiếp cận thông tin việc làm của nam sinh viên chủ yếu là nhà trường và ngành, trong khi nữ sinh viên lại quan tâm đến nguồn thông tin từ gia đình, người thân, họ hàng. Các sinh viên có gia đình ở đô thị và các sinh viên cha mẹ làm cán bộ, gia đình mức sống khá giả có xu hướng tiếp cận thông tin việc làm chủ yếu qua kênh phi chính thức, trong khi sinh viên có gia đình ở nông thôn, bố mẹ làm nghề nông, sinh viên mức sống nghèo có xu hướng tiếp cận việc làm thông qua trường và ngành công an.

Như vậy, đặc điểm cá nhân và gia đình chi phối mạnh đến kênh tiếp cận thông tin nghề nghiệp của sinh viên Học viện công an nhân dân hiện nay. Học viện cần đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục và nghiêm túc thực hiện các quy định liên quan đến phân công việc làm cho học viên khi ra trường. Bên cạnh đó, bản thân học viên cần nâng cao nhận thức, tập trung học tập và khi ra trường sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu làm bất kỳ nhiệm vụ nào tổ chức điều động. Việc lựa chọn kênh thông tin nghề nghiệp của sinh viên công an nhân dân tùy thuộc rất nhiều vào đặc điểm cá nhân và gia đình và là một nhân tố không thể bỏ qua khi xem xét định hướng nghề nghiệp của các em hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Công An. 2013. *Tài liệu Hội nghị Triển khai nhiệm vụ giáo dục đào tạo CAND năm học 2013-2014*.
- Học viện An ninh Nhân dân. 2014. *Báo cáo thống kê sinh viên năm học 2013-2014*.
- Nguyễn Như Chiến và cộng sự. 2004. *Mối tương quan giữa hoạt động giảng dạy, hoạt động quản lý giáo dục với nhân cách của sinh viên các trường công an nhân dân*. Học viện Cảnh sát Nhân dân, Đề tài cấp Bộ.
- Nguyễn Đình Thắng. 2009. *Sự lựa chọn nghề nghiệp quân sự của nhóm sỹ quan quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn hiện nay*. Luận án Tiến sỹ Xã hội học.
- Phạm Tất Thắng. 2009. *Định hướng giá trị của sinh viên (Qua nghiên cứu trường hợp sinh viên của 11 đơn vị đào tạo trên địa bàn Hà Nội)*. Luận án Tiến sỹ Xã hội học.
- Nguyễn Văn Tĩnh. 1999. *Định hướng nghề nghiệp của sinh viên công an nhân dân: thực trạng và giải pháp*. Đề tài cấp cơ sở của Phân hiệu Đại học An ninh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Công An.
- Vũ Hào Quang. 2001. *Định hướng giá trị của sinh viên - con em cán bộ khoa học*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.